NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ

SO SÁNH QUAN ĐIỂM CỦA GIẢNG VIÊN VÀ SINH VIÊN ĐỐI VỚI NHỮNG GIẢI PHÁP NHẰM TĂNG CƯỜNG CHẤT LƯỢNG CỦA HOẠT ĐỘNG GIẢNG DẠY BIÊN DỊCH TIẾNG ANH TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

NGUYỄN THỊ HƯƠNG LAN* - LÃ NGUYỄN BÌNH MINH**

TÓM TẮT: Các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng của hoạt động giảng dạy biên dịch tiếng Anh luôn nhận được sự quan tâm của các Nhà trường và của giảng viên đào tạo mã ngành Ngôn ngữ và của giảng viên tham gia giảng dạy ngành Ngôn ngữ. Bởi việc giảng dạy biên dịch đạt hiệu quả cao đồng nghĩa với việc người học được trang bị các kĩ năng cần thiết phục vụ cho hoạt động nghề nghiệp biên dịch trong tương lai. Nghiên cứu này phân tích và so sánh quan điểm của giảng viên và sinh viên Trường Đại học Luật Hà Nội về các giải pháp đề xuất nhằm tăng cường giảng dạy dịch thuật tiếng Anh. Nghiên cứu này được thực hiện trong học kỳ 1 của năm học 2024-2025. Phương pháp tiếp cận hỗn hợp, cụ thể là phương pháp phân tích so sánh, được thực hiện thông qua bảng câu hỏi thang đo Likert 5 điểm và phỏng vấn bán cấu trúc được thực hiện với các giảng viên đang tham gia giảng dạy biên dịch và sinh viên đang theo học năm thứ hai và thứ ba. Kết quả cho thấy cả giảng viên và sinh viên đánh giá cao các giải pháp được đề xuất cải thiện hiệu quả của hoạt động giảng dạy biên dịch tiếng Anh tại Trường Đại học Luật Hà Nội dựa trên thực trạng của hoạt động giảng dạy biên dịch hiện nay.

TỪ KHOÁ: quan điểm; giải pháp đề xuất; giảng dạy biên dịch; hiệu quả; tăng cường chất lượng.
NHẬN BÀI: 06/12/2024. BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 14/02/2025

1. Mở đầu

Tăng cường hiệu quả của hoạt động giảng dạy đã được xem như là một giải pháp vừa cải thiện vị thế của Nhà trường, đáp ứng các mục tiêu giáo dục quốc gia, đồng thời đảm bảo tất cả người học đều đạt được thành công trong học tập. Theo quan điểm của Noddings (1997), để có được hiệu quả trong hoạt động giảng dạy cần phải tập trung vào các tiêu chuẩn phù hợp với mong muốn của người dạy là làm thế nào để giúp người học học những thứ họ cần phải học.

Hiệu quả trong hoạt động giảng dạy là gì? Tanyan cùng các cộng sự (2023) miêu tả giảng dạy hiệu quả là mục tiêu được thiết kế bởi mỗi người dạy. Để giảng dạy hiệu quả, người dạy sử dụng các phương pháp và công cụ nhất định giúp người học học tập và phát triển. Giảng dạy hiệu quả trong lớp học là những phương pháp được người dạy sử dụng để người học có thể đạt được kết quả tốt, thành tích cao. Phương pháp giảng dạy có thể lấy người dạy làm trung tâm, lấy người học làm trung tâm hoặc là kết hợp cả hai. Theo tác giả Dương Minh Quang (2028), hiệu quả giảng dạy được hiểu là sự đánh giá của người dạy về năng lực của bản thân trong việc thiết kế môn học, xây dựng chiến lược giảng dạy, sự dụng công nghệ, quản lí lớp học, khả năng tương tác người học và đánh giá kết quả học tập của người học.

Trong các phương pháp giảng dạy hiện đại, người học luôn được xem là trung tâm của hoạt động giảng dạy. Theo Streeting & Wise (2009) thì học tập là một quá trình tìm hiểu và xây dựng mối quan hệ giữa người dạy với người học cũng như giữa người học với nhau. Trong quá trình dạy-học vai trò của người dạy và người học rất linh hoạt và phụ thuộc lẫn nhau. Người dạy được xem là người hỗ trợ học tập (facilitator of learning), chuyên gia nội dung (content expert), người tạo động lực (motivator),

**Trường Đại học Luật Hà Nội; Email: bihuonglan@gmail.com*
***Trường Đại học Luật Hà Nội; Email: dawny99@gmail.com*

người đánh giá (assessor), người thiết kế chương trình (cirriculim design), người tạo hình mẫu (role model), người ủng hộ (supporter). Người học là người tham gia tích cực (active participant), người tự định hướng (self-directed learners), người có tư duy phê phán (critical thinkers), người cộng tác (collaborators), người nhận phản hồi (feedback recipient), người học phản xạ (reflective learners), người đóng góp vào văn hoá lớp học (contributor to classroom culture). Shermin (1987) cùng các cộng sự cho rằng, nếu người dạy cho người học thấy rằng người dạy tin tưởng vào khả năng học tập và thành công của người học, khi đó người học sẽ có nhiều động lực hơn và thành công hơn. Tiberius & Tipping (1990) nhấn mạnh sự tương tác giữa người dạy và người học là yếu tố quan trọng nhất tạo nên động lực và sự tham gia của người học. Đặc biệt sự tương tác thân mật, gần gũi là một trong những yếu tố quan trọng nhằm thiết lập động cơ học tập của người học. Cơ hội hiểu rõ về người dạy thường tạo ra sự cam kết trí tuệ cho người học từ đó tạo ra giá trị hình mẫu cho người học. John Centra (1987) cùng các cộng sự nhấn mạnh để nâng cao chất lượng hoạt động giảng dạy thì tài liệu phải có nghĩa, tức là, phải phù hợp với khả năng hiểu và ghi nhớ của người học. Tài liệu học cần phải có sự kết nối với kiến thức và kinh nghiệm hiện tại của người học, cũng như đáp ứng được mong muốn của người học trong tương lai. Những đặc điểm này của tài liệu sẽ tạo điều kiện học tập và lĩnh hội cho người học. Dạy học là một quá trình phức tạp và nhiều mặt chịu ảnh hưởng của vô số các yếu tố, từ đặc điểm cá nhân của giáo viên, chẳng hạn như trình độ và đặc điểm cá nhân của chính bản thân người học, điều kiện học tập, rộng hơn là thể chế xã hội.

Có thể nói, quá trình dạy-học đạt hiệu quả cao nhất khi cả người dạy và người học đều hiểu và nắm được vai trò của mình. Người dạy hướng dẫn và hỗ trợ người học, trong khi người học tham gia làm chủ việc học của mình. Sự hợp tác này thúc đẩy trải nghiệm giáo dục phong phú hơn và thúc đẩy việc học tập suốt đời. Bởi năng lực, khả năng cũng như là kĩ năng của người học được xem là sản phẩm của hoạt động giảng dạy nói riêng và quá trình giáo dục nói chung. Điều này được thể hiện ở mục tiêu của từng bài học, từng học phần, từng môn học và của cả chương trình đào tạo. Hoạt động giảng dạy có hiệu quả hay không được thể hiện ở trước hết là kết quả của người học không chỉ ở dạng định lượng là *điểm số* (kết quả học tập được đánh giá dựa trên phần thể hiện của người học trong các bài kiểm tra đánh giá) mà còn là những cảm tính định tính đó là *thái độ* của người học đối với giờ học, học phần và môn học. Hai yếu tố này được xem là tiêu chí để đánh giá hoạt động giảng dạy. Bên cạnh đó là *hiệu quả* - sự phù hợp của chương trình đào tạo được đánh giá thông qua đánh giá của nhà tuyển dụng, của xã hội đối với người tốt nghiệp - *sản phẩm của quá trình đào tạo*. Họ có đáp ứng được đòi hỏi của vị trí việc làm hay không và ở mức độ nào. Những kiến thức, kĩ năng được cung cấp và trau dồi trong quá trình học đại học có trở thành *hành trang* thực thụ của người học hay không, hay chỉ là một "*tấm áo mới*" cho người học - họ có thể dễ dàng cởi bỏ hoặc nó dễ dàng bị thay đổi hoặc trở nên lỗi thời không còn phù hợp.

Bài viết này nhằm mục đích tìm hiểu đánh giá của người dạy và người học về những giải pháp đề xuất nâng cao hiệu quả của hoạt động giảng dạy các học phần biên dịch tiếng Anh hiện nay tại Trường Đại học Luật Hà Nội trong điều kiện dạy và học hiện tại.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu phân tích miêu tả sử dụng phương pháp hỗn hợp định tính và định lượng để xác định quan điểm của giảng viên và sinh viên đối với những giải pháp đề xuất nhằm tăng cường chất lượng của hoạt động giảng dạy biên dịch tiếng Anh. Khảo sát và phỏng vấn được thực hiện trong học kì 1 năm học 2024-2025 trên cả hai nhóm đối tượng là giảng viên và sinh viên tại Trường Đại học Luật Hà Nội. Trước hết, bảng câu hỏi đóng Anket 5 mức độ theo thang đo Likert được phát cho 244 sinh viên thuộc hai khoá 46 và 47 ngành Ngôn ngữ Anh - chuyên ngành tiếng Anh pháp lí và 11 giảng viên đang tham gia giảng dạy biên dịch cho khối sinh viên này. Sau đó, phỏng vấn bán cấu trúc được thực hiện đối với 20 sinh viên gồm 10 sinh viên khoá 46 và 10 sinh viên khoá 47 được lựa chọn một cách ngẫu nhiên và 11 giảng viên để có được những quan điểm và giải pháp cụ thể hơn, khách quan hơn. Kết quả khảo sát sau được xử lí và phân tích trên phần mềm SPSS phiên bản 26.0, được tập hợp

thành các bảng số liệu cụ thể để làm rõ quan điểm của cả người dạy và người học về những giải pháp trong việc nâng cao chất lượng giảng dạy biên dịch tiếng Anh.

2.2. Đối tượng khảo sát

Hai nhóm đối tượng tham gia khảo sát gồm 11 giảng viên dạy biên dịch và 244 sinh viên khoá 46 và 47 ngành Ngôn ngữ Anh đã và đang theo học các học phần biên dịch tiếng Anh. Cụ thể:

Nhóm giảng viên gồm 11 người tham gia khảo sát có 4 giảng viên nam (36,4%) và 7 giảng viên nữ (63,6%). Hầu hết số giảng viên tham gia giảng dạy Biên dịch là giảng viên Ngôn ngữ Anh (9 người = 81,8%), chỉ một số lượng rất khiêm tốn là giảng viên Luật biết tiếng Anh (1 người = 0,9%) và một giảng viên là cán bộ làm việc trong lĩnh vực Biên dịch (1 người = 0,9%) tham gia giảng dạy Biên dịch. Liên quan đến kinh nghiệm giảng dạy Biên dịch, có 3 giảng viên (27,3%) có dưới 5 năm kinh nghiệm, 2 giảng viên (18,2%) có kinh nghiệm giảng dạy biên dịch từ 5 năm đến dưới 10 năm, khoảng 54,5 % tương ứng với 6 giảng viên có kinh nghiệm trên 10 năm.

Nhóm sinh viên gồm 244 sinh viên có 41 nam (16,8%); 199 nữ (81.6%) và có 4 sinh viên (1,6%) không muốn nêu cụ thể giới tính của mình. Có 107 sinh viên thuộc khoá tuyển sinh K46 - tại thời điểm nghiên cứu đang là sinh viên năm cuối (năm thứ 4) và 137 sinh viên thuộc khoá tuyển sinh K47 đang là sinh viên năm thứ 3. Trước khi tham gia học đại học, sinh viên đến từ các khu vực sinh sống khác nhau. Cụ thể có 124 sinh viên (51,2%) đến từ khu vực thành thị; 107 sinh viên (43,9%) sống tại khu vực nông thôn. Chỉ có 12 sinh viên (4,9%) đến từ khu vực miền núi - hải đảo khó khăn. Tổng số thời gian học tiếng Anh của các sinh viên cũng khác nhau, trong đó số sinh viên mới chỉ học tiếng Anh trong thời gian dưới 5 năm là 21 sinh viên (8,6%); từ 5 đến 10 năm là 104 sinh viên (42,6%) và có 48,8% tương ứng với 119 sinh viên có thời gian học tiếng Anh được trên 10 năm.

2.3. Công cụ nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng 2 công cụ chính gồm;

Phỏng vấn bán cấu trúc với 3 câu hỏi tập trung vào những giải pháp đề xuất dành cho nhà quản lí giáo dục gồm Nhà trường - Khoa và Bộ môn chuyên môn, người dạy và người học. Dùng để phỏng vấn 11 giảng viên và 20 sinh viên được lựa chọn ngẫu nhiên từ 2 khoá 46 và 47 mỗi khoá 10 sinh viên.

Bảng hỏi được thiết kế dựa trên kinh nghiệm của người nghiên cứu gồm 2 phần: Phần 1 hỏi về thông tin người tham gia khảo sát và Phần 2 bao gồm 28 nhận định sử dụng thang đo Likert 5 mức độ gồm (1) Rất không đồng ý; (2) Không đồng ý; (3) Chưa xác định; (4) Đồng ý; (5) Rất đồng ý. Các câu hỏi khảo sát đã đạt ở mức độ tin cậy cao (0,73 -0,93; Cronbach, 1951). Dùng để khảo sát đánh giá của 11 giảng viên và 244 sinh viên khoá 46 và 47.

2.4. Phân tích dữ liệu

Để đảm bảo độ chính xác, khách quan ứng dụng tin học ATLAS.ti. được dùng để xử lí thông tin trong phỏng vấn bán cấu trúc giảng viên về tần xuất các quan điểm xuất hiện trong bản ghi. Ngoài ra, ứng dụng tin học SPSS v.26 được dùng để xử lí thông tin trong bảng khảo sát sinh viên về tính tần xuất miêu tả quan điểm người học theo mức thang đo khoảng Likert 5 bậc như: rất không chính xác (1,0-1,80), không đồng ý (1,81-2,60), chưa rõ ràng quan điểm (2,61-3,40), đồng ý (3,41-4,20), rất đồng ý (4,21-5,00). Bên cạnh đó, phương pháp kiểm định sự khác biệt (Independent T-test) được sử dụng để so sánh quan điểm giữa sinh viên nam, nữ có đồng quan điểm không. So sánh hồi quy (ANOVA) dùng để xác định giả thuyết liệu sinh viên đến từ các vùng miền khác nhau có quan điểm khác nhau hay không về việc sử dụng tiếng Việt trong lớp học tiếng Anh.

3. Kết quả và bàn luận

Kết quả khảo sát sau khi thu thập phần tích được trình bày theo ba nhóm gồm những giải pháp liên quan đến Nhà trường - Khoa và Bộ môn chuyên môn, nhóm giải pháp liên quan đến Người dạy và nhóm giải pháp liên quan đến Người học. Cụ thể như sau:

3.1. Kết quả khảo sát quan điểm của giảng viên và sinh viên đối với nhóm giải pháp liên quan đến nhà quản lí giáo dục (Nhà trường - Khoa và Bộ môn chuyên môn)

Phân tích miêu tả

***Bảng 1**. Những giải pháp từ phía Nhà trường - Khoa - Bộ môn*

Ý hỏi	Giảng viên		Sinh viên		Độ lệch
	Giá tri trung bình (Mgv)	Độ lệch chuẩn (SD)	Giá tri trung bình (Msv)	Độ lệch chuẩn (SD)	
1. Khoa/ Bộ môn cần chuyên môn hoá giảng viên trong hoạt động giảng dạy Biên - Phiên dịch	4.11	.601	4.07	.936	0.04
2. Khoa/ Bộ môn cần phân công giảng viên được đào tạo chuyên ngành Biên - Phiên dịch đảm nhiệm giảng dạy	4.22	.441	4.18	.898	0.04
3. Nhà trường/ Khoa/ Bộ môn cần cử giáo viên giảng dạy Biên dịch tham gia các khoá đào tạo Biên dịch ngắn hạn để nâng cao trình độ	4.11	.601	4.05	.876	0.06
4. Nhà trường/ Khoa/ Bộ môn cần tạo điều kiện cho giảng viên giảng dạy Biên dịch tham gia trải nghiệm các hoạt động Biên dịch theo các đoàn công tác của Nhà Trường	4.11	.601	4.09	.912	0.02
5. Khoa/ Bộ môn cần thường xuyên tổ chức các hội thảo khoa học về Biên - Phiên dịch để các giáo viên được học hỏi và chia sẻ kinh nghiệm chuyên môn trong hoạt động giảng dạy Biên - Phiên dịch	4.11	.601	4.04	.976	0.07
6. Nhà trường cần có chính sách thu hút những người làm công tác biên dịch có kinh nghiệm và năng lực ngoài trường tham gia giảng dạy	4.33	.500	4.18	.915	0.15
7. Nhà trường cần có chính sách để mời các giảng viên chuyên giảng dạy biên dịch từ các cơ sở đào tạo có uy tín tham gia giảng dạy	4.33	.500	4.20	.860	0.13
8. Nhà trường/ Khoa cần có buổi định hướng nghề nghiệp giới thiệu vị trí của môn học đối với nghề nghiệp của người học trong tương lai	3.89	.928	4.11	.960	-0.22
9. Nhà trường/ Khoa cần tạo cơ hội để sinh viên tiếp xúc với các trải nghiệm thực tế liên quan đến biên dịch để xây dựng động lực và hứng thú học tập cho người học	4.22	.441	4.22	.874	0
10. Nhà trường/ Khoa cần tạo điều kiện để sinh viên tham gia các cuộc hội thảo về chủ đề biên dịch để sinh viên hiểu và yêu môn học	4.22	.441	4.09	.954	0.13
11. Nhà trường/ Khoa nên mời các chuyên gia trong lĩnh vực biên dịch chia sẻ kinh nghiệm và hoạt đông nghề nghiệp để sinh viên hiểu và tạo dựng lòng yêu nghề	4.33	.500	4.14	.956	0.19
12. Nhà trường/ Khoa cần xây dựng hệ thống học liệu phù hợp để đáp ứng nhu cầu dạy và học	4.11	.601	4.32	.859	-0.21
13. Nhà trường trang bị đầy đủ hệ thống wifi tốc độ cao và ổn định trong các phòng học dịch	4.44	.527	4.46	.876	-0.02
14. Nhà trường cần cơ cấu sĩ số lớp học dịch từ 15 – 20 sinh viên để đảm bảo sự tương tác giữa người học với giáo viên và cơ hội thực hành cao	3.78	.667	3.91	1.049	-0.13
15. Nhà trường nên sắp xếp môn học dịch giảng dạy trong các phòng học nhỏ	3.67	.707	3.87	1.083	-0.2

16. Nhà trường nên tăng thời lượng cho các học phần dịch, đặc biệt là học phần dịch tiếng Anh pháp lí	4.00	.500	4.05	.819	-0.05
17. Khoa/ Bộ môn cần lựa chọn các chủ đề dịch cập nhật, phong phú và gần với khả năng hiểu biết của người học, cũng như là phù hợp với chuyên ngành đào tạo của người học	4.11	.601	4.36	.826	-0.25
18. Khoa/ Bộ môn cần lựa chọn các chủ đề dịch pháp lí có tính liên thông với các học phần luật và học phần tiếng Anh pháp lí để sinh viên có thể vận dụng kiến thức chuyên ngành đã được trang bị	4.11	.601	4.32	.872	-0.21
19. Nhà trường cần sắp xếp các buổi học cách nhau để sinh viên có thời gian luyện tập và củng cố lại kiến thức	3.78	.441	4.14	.946	-0.36
Valid N (listwise)	11		244		

Kết quả Bảng 1 về quan điểm của cả người dạy và người học có sự tương đồng cao đối với 19 nhận định bởi độ chênh lệch giữa giá trị trung bình trong câu trả lời của giảng viên (Mgv) và sinh viên (Msv) từ mức 0 cho đến 0.36. Trong đó, có giá trị trung bình thấp nhấp Mgv=3.67; Msv=3.87 thể hiện sự 'đồng ý' và cao nhất Mgv=4.44; Msv=4.46 thể hiện "rất đồng ý" với độ lệch chuẩn giữa các câu trả lời SD<1.0 cho thấy quan điểm giữa các giảng viên cũng như quan điểm giữa các sinh viên tham gia khảo sát khá giống nhau.

Đối với nhóm giải pháp đề xuất dành cho Nhà trường gồm các nhận định số 6, 7, 13, 14, 15, 16 và 19 liên quan đến đối tượng người dạy, cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy, thời lượng các học phần biên dịch và việc sắp xếp lịch học các học phần biên dịch. Cả giảng viên và sinh viên đều mong muốn Nhà trường nên có các chính sách để tăng cường chất lượng đội ngũ giảng viên giảng dạy biên dịch thông qua việc ban hành các chính sách nhằm thu hút những người làm công tác biên dịch có kinh nghiệm và năng lực, cũng như là các giảng viên chuyên giảng dạy biên dịch từ các cơ sở đào tạo có uy tín tham gia giảng dạy (nhận định 6,7 Mgv=4.33 & 4.33; Msv=4.18 & 4.20). Nhằm tạo điều kiện cho giảng viên và sinh viên ứng dụng được công nghệ, giảng viên hướng dẫn sinh viên khai thác cũng như rèn luyện được các kĩ năng làm chủ công nghệ, giảng viên và sinh viên đều mong muốn các phòng học được trang bị hệ thống wifi tốc độ cao và ổn định (Mgv=4.44 & Msv=4.46). Bên cạnh đó, cả giảng viên và sinh viên đều nhận thấy rằng tổng thời lượng các học phần biên dịch được giảng dạy hiện tại cho sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh là 8 tín chỉ, chưa đáp ứng được mong muốn trang bị các kĩ năng biên dịch nâng cao và cơ hội thực hành biên dịch của người học, do đó mong muốn Nhà trường cần tăng thêm thời lượng các học phần biên dịch, đặc biệt là biên dịch tiếng Anh chuyên ngành pháp lí nhằm giúp người học có cơ hội tiếp cận với hoạt động biên dịch chuyên ngành nhiều hơn (Mgv=4.0 & Msv=4.05). Với đề xuất giảm sĩ số lớp học từ 30 sinh viên xuống còn khoảng từ 15 đến 20 sinh viên trong các lớp học biên dịch, đồng thời bố trí lớp học biên dịch vào các phòng học có diện tích tiêu chuẩn nhận được sự đồng thuận của giảng viên và sinh viên ở mức trung bình (Mgv=3.77 & 3.67; Msv=3.91 & 3.87). Tuy nhiên, sinh viên đánh giá việc sắp xếp lịch học các học phần biên dịch tại thời điểm hiện tại chưa thực sự khoa học, và cần thiết phải điều chỉnh lại lịch học cho phù hợp hơn, đảm bảo sinh viên có thời gian luyện tập cũng như củng cố kiến thức (Msv=4.14). Trái lại, giảng viên thể hiện mức đồng thuận thấp với nhận định này (Mgv=3.78).

Thông qua phỏng vấn cả người dạy và người học cũng thể hiện những đề xuất tương tự khi được hỏi về giải pháp từ Nhà trường giúp cải thiện hiệu quả của việc giảng dạy biên dịch như; Nhà trường cần "*Tăng cường hợp tác với doanh nghiệp như mời các chuyên gia biên dịch từ doanh nghiệp tham gia giảng dạy, tổ chức các buổi thực tập và kiến tập tại doanh nghiệp để sinh viên có cơ hội trải nghiệm môi trường làm việc thực tế*". (GV4, 5, 8, 11). Nhiều giảng viên cùng đồng tình với giải pháp liên quan đến cơ sở vật chất từ phía Nhà trường "*Cần lắp đặt các phòng học có wifi để áp dụng công nghệ trong giảng dạy; trang bị đầy đủ các thiết bị và phần mềm cần thiết cho việc giảng dạy và học*

tập biên dịch, bao gồm phòng lab ngôn ngữ, máy tính có kết nối Internet, phần mềm biên dịch.." (GV2, 4, 9, 10). Phòng học nhỏ hoặc sĩ số lớp học vừa phải cũng là giải pháp mà giảng viên tham gia phỏng vấn đồng tình "*Giảm sĩ số lớp; chia nhỏ các lớp học phần Biên dịch để giảng viên có thể tương tác và hỗ trợ từng sinh viên một cách hiệu quả hơn.*" (GV1, 2 & 4).

Bên cạnh đó, sinh viên được phỏng vấn cho rằng "*Nên đưa môn Biên dịch, đặc biệt là Biên dịch pháp lí trở thành học phần bắt buộc đối với sinh viên Ngôn ngữ Anh. Khuyến khích sinh viên đăng ký học phần này để trau dồi khả năng dịch thuật.*" (SV5, 9, 10, & 12); "Cần *tăng số tín chỉ đối với môn học này để sinh viên có thêm thời gian tiếp xúc với môn học và phát triển các kĩ năng biên dịch một cách toàn diện, hiệu quả*" (SV8, 10, 11, 17, 19); "*…mong muốn kéo dài thời lượng học, kết hợp nhiều buổi thực hành dịch bám sát thực tế và giải quyết các tình huống phục vụ cho quá trình làm nghề về sau này*." (SV1, 2, 5, 7, 14, 16); Thêm vào đó, sinh viên đang theo học các học phần biên dịch đánh giá thời khoá biểu chưa thực sự hợp lí và khoa học. Do đó, sinh viên đề xuất thời khoá biểu nên được "*Xếp lịch học trong tuần cách ngày*, *các ca học trong tuần phù hợp và thuận tiện trong quá trình di chuyển và sắp xếp để học tập của các sinh viên.*", "*Tăng tần suất học lên 2 buổi 1 tuần, mỗi buổi được 2 ca thì em thấy kĩ năng dịch cũng được cải thiện nhanh hơn so với lịch học thưa. Đồng thời, xắp lịch học trực tiếp thay vì online để sinh viên có cơ hội tương tác trực tiếp với giảng viên"* (SV1, 3, 4, 6, 7, 8, 9, 13).

Nhóm giải pháp liên quan đến Khoa và Bộ môn chuyên môn được đánh số 1, 2, 5, 17, và 18. Cụ thể, giảng viên và sinh viên đều đánh giá cao giải pháp chuyên môn hoá giảng viên trong việc thực hiện nhiệm vụ giảng dạy các học phần biên - phiên dịch (Mgv=4.11; Msv=4.07), bởi đây làm một môn học đặc thù, đòi hỏi khả năng nghiên cứu và thực hành cao. Việc chuyên môn hoá hoạt động giảng dạy cho giảng viên giúp họ có thể tập trung nghiên cứu, tìm hiểu và khai thác công nghệ cũng như học tập để nâng cao trình độ phụ vụ hoạt động giảng dạy. Việc chuyên môn hoá này cũng đồng nghĩa với việc lựa chọn các giảng viên được đào tạo chuyên ngành Biên - Phiên dịch đảm nhiệm việc giảng dạy các học phần biên dịch (Mgv=4.22; Msv=4.18). Ngoài ra, việc hỗ trợ giảng viên tăng cường năng lực cũng như học học kinh nghiệm phụ vụ công việc giảng dạy cũng nên trở thành hoạt động thường xuyên của Khoa và Bộ môn chuyên môn thông qua các cuộc nói chuyện chia sẻ của các chuyên gia trong lĩnh vực biên dịch, toạ đàm hay hội thảo khoa học với sự tham gia của các chuyên gia cũng như giảng viên đến từ các cơ sở đào tạo ngành biên dịch có uy tín (Mgv=4.11; Msv=4.04); Cả giảng viên và sinh viên đều đồng ý với đề xuất cập nhật tài liệu giáo trình phù hợp với tình hình thực tế, bổ sung các chủ đề phong phú hơn gần với khả năng hiểu, cũng như phù hợp với chuyên ngành đào tạo của người học (Mgv=4.11; Msv=4.36). Họ cũng mong muốn bổ sung thêm các chủ đề biên dịch thuộc lĩnh vực pháp lí có tính liên thông với các kiến thức tiếng Anh chuyên ngành pháp lí đã được học để có thể khai thác và vận dụng những kiến thức tiếng Anh chuyên ngành đã được trang bị (Mgv=4.11; Msv=4.32). Liên quan đến những hỗ trợ từ Khoa và Bộ môn chuyên môn trong việc chuyên môn hoá hoạt động giảng dạy, nâng cao năng lực và kinh nghiệm thực tế cho giảng viên, cũng như cải thiện chất lượng tài liệu phục vụ hoạt động biên dịch. Các giảng viên tham gia phỏng vấn đã thẳng thắn chia sẻ quan điểm của mình. Cụ thể là; Giảng viên cho rằng Nhà trường và Khoa cần "*Chuyên môn hoá hoạt động giảng dạy biên dịch và có chính sách để tăng cường năng lực giảng dạy biên dịch cho nguồn giảng viên sẵn có của Bộ môn*" (GV4, 6, 7, 8); Ngoài ra, "*Cần gắn lí thuyết với thực tiễn có nghĩa là cần có sự liên thông giữa việc học lí thuyết dịch với biên dịch, linh hoạt bài giảng bằng cách để giảng viên biên soạn chương trình giảng dạy của mình miễn sao sinh viên đáp ứng được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, thông qua kết quả của sinh viên và sự phản hồi của sinh viên về chương trình đào tạo*" (GV1, 3, 5). Tăng cường hoạt động "*Biên soạn, cập nhật những chủ đề có tính thời sự trong tư liệu giảng dạy, xây dựng bộ thuật ngữ với cách diễn đạt hiện đại trong cả ngôn ngữ nguồn và ngôn ngữ đích*." (GV3, 9, 10, 11).

Nhóm giải pháp dành cho cả Nhà trường và Khoa chuyên môn gồm 3, 4, 8, 9, 10, 11, 12. Để tăng hiệu quả của hoạt động giảng dạy, cả giảng viên và sinh viên tham gia khảo sát đều đồng ý rằng Khoa và Bộ môn cũng cần phối kết hợp với Nhà trường trong việc cử các giảng viên tham gia các khoá đào

tạo Biên dịch ngắn hạn để nâng cao trình độ (Mgv=4.11; Msv=4.05); Trau dồi kinh nghiệm biên dịch thực tế cho giảng viên tham gia giảng dạy biên dịch cũng là một trong những mong muốn của cả giảng viên và sinh viên, bởi sinh viên rất cần những chia sẻ từ thực tế hoạt động nghề nghiệp biên dịch để có thể hiểu và xây dựng lòng yêu nghề trong tương lai. Qua những chia sẻ trực tiếp từ chính người dạy liên quan đến kĩ năng, những kỉ luật, những đòi hỏi của nghề nghiệp thực tế để sinh viên có thể rèn và trau dồi ngay từ khi còn ngồi trên giảng đường (Mgv=4.11; Msv=4.09). Bên cạnh đó, Nhà trường và Khoa cần tổ chức buổi nói chuyện tư vấn giới thiệu vị trí của môn học đối với định hướng nghề nghiệp biên dịch trong tương lai giúp sinh viên xác định được tầm quan trọng để xây dựng kế hoạch học tập cụ thể (Mgv=3.89; Msv=4.11). Sinh viên sẽ có mục tiêu học tập cụ thể hơn và hình thành được tình yêu nghề nếu họ được tiếp xúc với các chuyên gia trong lĩnh vực biên dịch, được nghe những chia sẻ kinh nghiệm trong hoạt động nghề nghiệp của họ (Mgv=4.33; Msv=4.14). Giảng viên và sinh viên cũng đồng ý rằng không có câu chuyện hay chia sẻ nào có thể so sánh được những trải nghiệm của chính bản thân người học trong hoạt động nghề nghiệp. Do đó, người học mong muốn được Nhà trường và Khoa tạo các cơ hội để người học có thể tham gia vào các hoạt động nghề nghiệp biên dịch thực tế tại các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực biên dịch (Mgv=4.22; Msv=4.22); hoặc giúp người học có được phương pháp học tập phù hợp thông qua các buổi hội thảo khoa học (Mgv=4.22; Msv=4.09). Giảng viên và sinh viên cho rằng hệ thống học liệu phục vụ hoạt động giảng dạy biên dịch của nhà trường chưa đáp ứng được nhu cầu của giảng viên và sinh viên, do vậy, họ mong muốn có sự kết hợp giữa Nhà trường và Khoa trong việc xây dựng cơ sở học liệu cho môn học. (Mgv=4.11; Msv=4.32). Trong vấn đề liên quan đến việc nâng cao năng lực, và trải nghiệm cho cả người dạy và người học cũng như là hệ thống học liệu cho môn học biên dịch tại Trường Đại học Luật Hà Nội, giảng viên và sinh viên tham có đưa ra đề xuất cụ thể như sau; Nhà trường cần "*tạo điều kiện cho giảng viên tham gia các khóa đào tạo về phương pháp giảng dạy biên dịch, cập nhật kiến thức chuyên môn và kĩ năng sư phạm. Khuyến khích và tạo điều kiện và môi trường thuận lợi cho giảng viên nghiên cứu và trao đổi kinh nghiệm giảng dạy, chia sẻ các phương pháp và tài liệu hiệu quả*." (GV4, 5, 6, 7). Cũng như là "*Cập nhật và đa dạng hóa tài liệu về thể loại và lĩnh vực chuyên môn, bao gồm cả sách giáo trình, bài báo, tài liệu trực tuyến, video*." (GV3, 4, 8, 11). Các giảng viên cũng đề xuất cần "*Đưa thêm nhiều phiên bản dịch của các công ty dịch thuật hoặc các công ty luật quốc tế đang sử dụng hàng ngày để sinh viên cập nhật dòng chảy hiện đại của phiên bản và cách dùng tiếng Anh pháp lí hiện nay*.". Thêm vào đó, "*Nhà trường và Khoa cần tạo cơ hội để sinh viên tiếp xúc với các trải nghiệm thực tế liên quan đến biên dịch để xây dựng động lực và hứng thú học tập cho người học và cũng cần tạo điều kiện cho giảng viên giảng dạy Biên dịch tham gia trải nghiệm các hoạt động Biên dịch theo các đoàn công tác của Nhà Trường. Không chỉ vậy Khoa và Bộ môn nên thường xuyên tổ chức các hội thảo khoa học về Biên - Phiên dịch để các giảng viên được học hỏi và chia sẻ kinh nghiệm chuyên môn trong hoạt động giảng dạy Biên - Phiên dịch*." hoặc "*Cần kết hợp với các công ty dịch thuật để tạo kênh thực hành cho người học, vừa hiểu được môi trường làm việc của công việc biên dịch, đồng thời học được kinh nghiệm và kĩ năng biên dịch*" (Gv3, 6, 7, 9). Bên cạnh đó, các sinh viên cũng đề xuất các giải pháp như "*Nhà trường và Khoa cần cập nhật chương trình giảng dạy, đầu tư thêm vào tài liệu và các công cụ hỗ trợ. Từ đó đảm bảo chương trình học luôn cập nhật với những xu hướng mới nhất trong lĩnh vực biên dịch, bao gồm cả công nghệ và phương pháp dịch thuật hiện đại*." (SV14, 15, 17, 19, 20) "*Liên tục cập nhật chương trình, giáo trình đào tạo theo sát sự phát triển của ngành biên dịch. Tích hợp các yếu tố thực tiễn vào chương trình học, tạo cơ hội cho sinh viên được làm việc với các dự án dịch thuật thực tế.*" *(SV3, 5, 6, 7); "Cần đầu tư vào các tài nguyên như phần mềm dịch thuật, thư viện tài liệu chuyên ngành, và các công cụ hỗ trợ dịch thuật, thường xuyên tổ chức hội thảo và buổi thực hành ngoại khóa*." (SV8, 9, 12, 15). "*Nhà trường nên rà soát và kịp thời chỉnh sửa lại giáo trình, hoặc có giáo trình riêng để đảm bảo chất lượng giảng dạy*" (SV13, 16, 18); "*Nhà trường - Khoa: Cần đầu tư thêm vào việc cập nhật và bổ sung tài liệu giảng dạy, đặc biệt là các tài liệu thực tiễn.*" (SV17); "*Cần đầu tư hơn nữa trong việc nghiên cứu, mở rộng tài liệu sao cho phù hợp với sinh viên và đặc thù của ngành học*."

(SV7, 14, 18); "*Cần chuẩn bị các thiết bị như tai nghe, máy tính, loa, phục vụ cho quá trình giảng dạy của thầy cô cũng như hỗ trợ quá trình thực hành dịch của sinh viên.*" (SV 1, 4, 13, 20). Các hoạt động hỗ trợ giảng dạy và học tập cũng là giải pháp mà sinh viên tham gia phỏng vấn đề xuất. Theo sinh viên, để hoạt động giảng dạy đạt hiệu quả, Nhà trường và Khoa nên "*Nhà trường cần có thêm nhiều trang thiết bị hay công nghệ hiện đại hơn để việc học của sinh viên được sinh động và dễ hiểu hơn là học chay.*"; "*Tổ chức các hội thảo về dịch thuật, mời các chuyên gia trong ngành đến chia sẻ kinh nghiệm cho sinh viên.*"; "*Nhà trường và khoa nên tổ chức thêm các buổi hội thảo chuyên đề với sự tham gia của các chuyên gia trong ngành biên dịch để sinh viên có cơ hội học hỏi kinh nghiệm thực tế.*"; "*Để nâng cao hiệu quả của hoạt động giảng dạy các học phần Biên dịch thì theo cá nhân em mong rằng ở phía Nhà trường, Khoa Ngoại ngữ pháp lí có thể tạo điều kiện để bọn em có thể có những hoạt động thực hành kiến thức đã được học ở các học phần Biên dịch nhiều hơn như các cuộc thi, chuyên đề, diễn thuyết.*" (SV, 3, 5, 14, 16).

3.2. Kết quả khảo sát quan điểm của giảng viên và sinh viên đối với nhóm giải pháp liên quan đến người dạy

Phân tích miêu tả

***Bảng 2**. Những giải pháp dành cho Người dạy*

Ý hỏi	Giảng viên		Sinh viên		Độ lệch
	Giá tri trung bình (Mgv)	Độ lệch chuẩn (SD)	Giá tri trung bình (Msv)	Độ lệch chuẩn (SD)	
20. Giáo viên nên chủ động nghiên cứu học tập để nâng cao năng lực chuyên môn trong hoạt động giảng dạy Biên dịch	4.33	.707	4.25	.856	0.08
21. Giáo viên nên chủ động tìm kiếm và tham gia các khoá học để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng nhu cầu giảng dạy Biên dịch	4.22	.667	4.18	.933	0.04
22. Giáo viên nên chủ động cập nhật các kiến thức, kĩ năng và phương pháp giảng dạy Biên dịch hiện đại	4.22	.667	4.30	.833	-0.08
23. Giáo viên nên chủ động tìm hiểu và khai thác công nghệ phục vụ cho hoạt động giảng dạy Biên dịch	4.33	.707	4.25	.874	0.08
24. Giáo viên nên chủ động tìm kiếm các cơ hội trải nghiệm biên dịch thực tế	4.00	.707	4.19	.892	-0.19
Valid N (listwise)	11		244		

Kết quả từ Bảng 2 cho thấy quan điểm của cả người dạy và người học đều đồng ý cao với các giải pháp đề xuất dành cho người dạy, bởi độ chênh lệch giữa giá trị trung bình trong câu trả lời của giảng viên và sinh viên từ mức 0.4 cho đến 0.19. Trong đó, có giá trị trung bình thấp nhất Mgv=4.00; Msv=4.18 thể hiện sự "đồng ý" và cao nhất Mgv=4.33; Msv=4.30 thể hiện "rất đồng ý" với độ lệch chuẩn giữa các câu trả lời SD<1.0 cho thấy quan điểm giữa các giảng viên cũng như quan điểm giữa các sinh viên tham gia khảo sát khá giống nhau. Số liệu khảo sát cho thấy giảng viên tham gia giảng dạy luôn nhận thức được những yêu cầu của nghề nghiệm, đồng thời học cũng luôn thể hiện tinh thần và thái độ tích cực trong việc chủ động học tập nâng cao trình độ cũng như trau dồi các kĩ năng chuyên môn nghề nghiệp của mình như là một giải pháp nhằm tăng hiệu quả của hoạt động giảng dạy. Sinh viên tham gia khảo sát cũng có cùng quan điểm với giảng viên. Cụ thể các giảng viên tham gia giảng dạy đồng ý rằng họ nên chủ động nghiên cứu học tập để nâng cao năng lực chuyên môn

trong hoạt động giảng dạy Biên dịch; chủ động tìm kiếm và tham gia các khoá học để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng nhu cầu giảng dạy Biên dịch; chủ động cập nhật các kiến thức, kĩ năng và phương pháp giảng dạy Biên dịch hiện đại; chủ động tìm hiểu và khai thác công nghệ phục vụ cho hoạt động giảng dạy Biên dịch. Điều này thể hiện qua các kết quả ở các nhận định 20, 21, 22, 23, 24 lần lượt là (Mgv=4.33, 4.22, 4.22, 4.33 & 4.00; Msv=4.25, 4.18, 4.30, 4.25 & 4.19).

Kết quả phỏng vấn cũng chứng minh cho thực tế này khi giáo viên khẳng định họ "*cần liên tục cập nhật tính mới của thông tin, có kiến thức am hiểu sâu không chỉ phiên biên dịch tiếng anh mà cần có năng lực tốt trong hiểu biết pháp luật/ pháp lí để có thể uyển chuyển trong chuyển ngữ ngôn ngữ tiếng Việt và tiếng Anh cho một chuyên đề pháp luật, tránh tình trạng phải dịch vòng không trực diện khiến mất thời gian và không theo kịp diễn biến dịch tiếng Anh pháp lí.*" (GV3, 5, 8); Về nội dung và phương pháp giảng dạy cần "*Tăng cường tính thực tiễn; tập trung vào các tình huống biên dịch thực tế, sử dụng các tài liệu và bài tập sát với thực tiễn công việc, mời các chuyên gia biên dịch chia sẻ kinh nghiệm. Đa dạng hóa phương pháp giảng dạy bằng việc kết hợp các phương pháp giảng dạy khác nhau như thuyết trình, thảo luận nhóm, làm việc dự án, học tập trực tuyến, v.v. để tạo sự hứng thú và tăng cường khả năng tiếp thu của sinh viên*.". Trong quá trình giảng dạy, người dạy cần "*Cá nhân hóa quá trình học tập của người học, tạo điều kiện cho sinh viên lựa chọn các lĩnh vực chuyên môn quan tâm, cung cấp các bài tập và tài liệu phù hợp với trình độ và nhu cầu của từng sinh viên*.". Bên cạnh đó, việc "*Ứng dụng công nghệ; sử dụng các công cụ và phần mềm hỗ trợ biên dịch, tạo môi trường học tập trực tuyến tương tác, khai thác các nguồn tài liệu mở trên Internet.*" cũng cần được người dạy chú trọng và khai thác. (GV1, 2, 4, 7, 9).

Bên cạnh đó, sinh viên cũng thể hiện mong muốn của họ từ các thầy cô giảng dạy như "*Thầy cô cần khuyến khích sinh viên tự học và trau dồi khả năng, kĩ năng biên dịch hơn nữa thông qua các bài tập về nhà; gần gũi hỗ trợ người học để họ có được sự tự tin và mạnh dạn chia sẻ vấn đề của bản thân. Sau mỗi buổi dịch và chữa thầy cô cần rút ra được từng cách dịch hay, qua đó giúp sinh viên học được những từ, cụm từ,... phổ biến, tính ứng dụng cao.*" (SV1, 2, 7, 19); "*Thầy cô cần luôn cập nhật kiến thức về lí thuyết biên dịch và pháp lí, các xu hướng mới của ngành dịch thuật; kết hợp nhiều phương pháp giảng dạy khác nhau như thuyết trình, thảo luận nhóm, thực hành, dự án, để tạo sự hứng thú cho sinh viên*." (SV3, 9, 11, 13, 17); "*Thầy cô nên đưa vào giảng dạy nhiều tình huống biên dịch thực tế hơn và cung cấp phản hồi chi tiết cho sinh viên; hỗ trợ sinh viên qua các hoạt động ngoại khóa hoặc các nhóm học tập cũng sẽ giúp cải thiện kĩ năng biên dịch một cách toàn diện. Thầy cô nên áp dụng nhiều phương pháp dạy học linh hoạt và tương tác, như mô phỏng tình huống thực tế và phân tích các bài dịch mẫu thay vì chỉ học biên phiên dịch trong sách; tích cực update nguồn tài liệu phong phú, đa dạng; hướng dẫn sinh viên khai thác, sử dụng và làm chủ các công cụ hỗ trợ dịch thuật hiện đại và giới thiệu cho họ những nguồn tài nguyên trực tuyến để tự học và phát triển kĩ năng; xây dựng không khí lớp học tích cực, hăng say*." (SV7, 9, 10, 14, 15); Kinh nghiệm thực tế của thầy cô cũng là những mong muốn của người học "*Thầy cô cần chia sẻ thêm về kinh nghiệm học, và hậu quả khi không học, kết hợp định hướng nghề nghiệp cho người học; kết hợp giảng dạy và nêu lí do quan trọng của mảng kiến thức đó, liên kết với phần kiến thức khác.*" (SV1, 4, 8, 9, 18).

3.3. Kết quả khảo sát quan điểm của giảng viên và sinh viên đối với nhóm giải pháp liên quan đến người học

Phân tích miêu tả

***Bảng 3**. Những giải pháp dành cho Người học*

Ý hỏi	Giảng viên	Sinh viên	Độ lệch

	Giá trị trung bình (Mgv)	Độ lệch chuẩn (SD)	Giá trị trung bình (Msv)	Độ lệch chuẩn (SD)	
25. Sinh viên cần xác định được mục đích học tập để xây dựng các mục tiêu học tập cụ thể cho môn học	4.22	.667	4.28	.888	-0.06
26. Sinh viên cần xây dựng thói quen học tập tự chủ, độc lập và khoa học để hoàn thành các nhiệm vụ học tập	4.33	.500	4.36	.786	-0.03
27. Sinh viên nên chủ động khai thác các nguồn tài liệu học tập, áp dụng công nghệ để nâng cao năng lực tự học và kiến thức bản thân	4.44	.527	4.33	.832	0.11
28. Sinh viên nên chủ động tìm kiếm các cơ hội để có được những trải nghiệm thực tế và hiểu được những yêu cầu đòi hỏi của một biên dịch viên về phẩm chất, kĩ năng và năng lực chuyên môn	4.33	.500	4.31	.842	0.11
Valid N (listwise)	11		244		

Quan điểm của cả người dạy và người học có sự tương đồng cao đối với 4 nhận định trong Bảng 3 bởi độ chênh lệch giữa giá trị trung bình trong câu trả lời của giảng viên và sinh viên từ mức 0.03 cho đến 0.11. Trong đó, có giá trị trung bình thấp nhấp Mgv=4.22; Msv=4.28 và cao nhất Mgv=4.44; Msv=4.36 thể hiện "rất đồng ý" với độ lệch chuẩn giữa các câu trả lời SD<1.0 cho thấy quan điểm giữa các giảng viên cũng như quan điểm giữa các sinh viên tham gia khảo sát không khác nhau. Cả người dạy và người học tham gia khảo sát đều đồng ý với các nhận định 25, 26, 27 và 28 trong Bảng 3 là những giải pháp dành cho người học. "Hoạt động dạy luôn bao gồm chủ thể là người dạy và khách thể là người học. Đây là hai yếu tố then chốt của hoạt động dạy. Do đó, để nâng cao hiệu quả của hoạt động dạy, chỉ có người dạy cố gắng thôi là chưa đủ, cũng cần có những giải pháp cho người học. Giảng viên và bản thân sinh viên đều đồng ý rằng sinh viên cần xác định được mục đích học tập để xây dựng các mục tiêu học tập cụ thể cho môn học" (Mgv=4.22; Msv=4.28); Để có thể đạt được hiệu quả học tập cũng như kết quả học học tập tốt giáo viên và sinh viên đều thống nhất rằng sinh viên cần xây dựng thói quen học tập tự chủ, độc lập và khoa học để hoàn thành các nhiệm vụ học tập" (Mgv=4.33; Msv=4.36); Việc phát huy tính chủ động sáng tạo của sinh viên trong quá trình học tập là một việc cần phải làm nhằm thác các nguồn tài liệu học tập, áp dụng công nghệ để nâng cao năng lực tự học và kiến thức bản thân. (Mgv=4.44; Msv=4.33); Ngoài ra, sinh viên nên chủ động tìm kiếm các cơ hội để có được những trải nghiệm thực tế và hiểu được những yêu cầu đòi hỏi của một biên dịch viên về phẩm chất, kĩ năng và năng lực chuyên môn. (Mgv=4.33; Msv=4.31). Kết quả trên đây cho thấy tất cả các giảng viên và sinh viên tham gia khảo sát đều có sự nhất quán trong câu trả lời ở mỗi nhận đinh bởi tất cả độ lệch chuẩn trong các nhận định ở bảng 3 đều nhỏ hơn 1.0. Và độ chênh lệch giữa quan điểm của giảng viên và sinh viên thể hiện ở giá trị trung bình là rất nhỏ từ 0.06 đến 0.11. Đối chiếu với những đề xuất của người dạy và người học về người học trong phỏng vấn bán cấu trúc cho thấy kết quả khá tương đồng. Khi được hỏi về những đề xuất danh cho người học, hầu hết các giảng viên tham gia phỏng vấn đều chia sẻ rằng sinh viên cần xây dựng một động cơ và một thái độ học tập rõ ràng và tích cực. (GV2, 5, 7,9, 10, 11). Họ cũng nhấn mạnh rằng, sinh viên đại học khác với các cấp học phổ thông, họ cần phải xác định được định hướng nghề nghiệp trong tương lai. Có như thế họ mới có thể có thái độ học tập tích cực. Bên cạnh đó, người học cũng cần phát huy tính chủ động, sáng tạo trong học tập. Chủ động trong việc tiếp cận thông tin, tìm kiếm cơ hội học tập trải nghiệm liên quan đến các kĩ năng nghề nghiệp cần thiết. (GV3, 4, 5, 7, 10). Cũng như là chủ động

trong việc khai thác nguồn học liệu và sự hỗ trợ từ giảng viên khi cần.(Gv5, 7, 8). Tránh việc học thụ động, chờ đợi và ỷ lại. Bằng lòng với những gì mình đang có mà không tích cực tìm tòi sáng tạo. (GV1, 9, 11). Giải pháp đề xuất từ các sinh viên tham gia phỏng vấn cũng trùng với thông tin trong bảng khảo sát. Sinh viên cho rằng người học đóng vài trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng giảng dạy biên dịch. Người học cần chủ động đối với các hoạt động học tập. Cụ thể là; "*Sinh viên cần dành thời gian tìm hiểu bài dịch trong giáo trình và các bài có nội dung liên quan trước khi đến lớp; chủ động hơn trong việc nghiên cứu, tìm hiểu tài liệu, và thực hành ngoài giờ học để nắm vững kiến thức và phát triển kĩ năng dịch thuật một cách toàn diện. Ngoài ra, tham gia tích cực vào các buổi thực hành, hội thảo, các dự án học tập và các hoạt động nhóm để học hỏi từ các bạn cùng lớp và cải thiện kĩ năng làm việc nhóm, một kĩ năng quan trọng trong biên dịch; cần phải có tinh thần tự chủ, chủ động trong việc học hơn để có thể đạt được kết quả tốt, và quan trọng hơn hết là đảm bảo có thể áp dụng được kiến thức đã được học tại trường. Bằng cách thực hiện các thay đổi này, em tin rằng hiệu quả của hoạt động giảng dạy các học phần biên dịch sẽ được nâng cao đáng kể, giúp sinh viên chuẩn bị tốt hơn cho nghề nghiệp tương lai.*" (SV1, 5, 6, 9, 11, 13 19, 10); "*Cần tích cực hơn nữa trong các giờ học, để tiết học diễn ra một cách hiệu quả; mạnh dạn, không sợ sai trao đổi trực tiếp những khó khăn, thắc mắc của mình với thầy cô giảng dạy trên lớp từ đó tạo sự tự tin, tinh thần ham học, giảm thiểu sự lệ thuộc vào các công cụ dịch thuật trực tuyến; chủ động ghi chép các kiến thức giảng viên lưu ý; hoàn thành bài tập; học hỏi lẫn nhau,.*" (SV1, 2, 3, 5, 8, 20); "*Cần lựa chọn phương pháp học tập phù hợp nhằm nâng cao kiến thức, khả năng dịch thuật; rèn luyện kĩ năng quản lí và phân bổ thời gian và các nhiệm vụ học tập một cách hợp lí cũng là yếu tố quan trọng để đạt kết quả tốt trong học tập.*" (SV1, 4, 10, 12, 17).

3.4. Một số đánh giá so sánh quan điểm của giảng viên và sinh viên đối với những giải pháp nhằm tăng cường chất lượng hoạt động giảng dạy Biên dịch tiếng Anh

Bảng 4*. So sánh quan điểm của giảng viên và sinh viên*

		Kiểm định sự bằng nhau của các phương sai Levene		So sánh giá trị trung bình của hai tổng thể độc lập (t-test for Equality of Means)		
		Kiểm định (F)	Mức quan sát (Sig.)	t	Độ phân tán (df)	Xác suất hai đầu Sig. (2-tailed)
Nhà trường - Khoa - Bộ môn	Giả dụ biến đồng nhất	2.389	.123	.161	250	.872
	Giả dụ biến không đồng nhất			.296	10.429	.773
Giáo viên	Giả dụ biến đồng nhất	1.165	.282	.036	251	.972
	Giả dụ biến không đồng nhất			.046	9.075	.964
Người học	Giả dụ biến đồng nhất	.766	.382	-.057	251	.955
	Giả dụ biến không đồng nhất			-.082	9.372	.936

Bảng 4 chỉ ra số liệu chứng minh giả thuyết rằng có sự khác biệt quan điểm giữa người dạy và người học đối các nhóm giải pháp gồm giải pháp từ phía nhà quản lí (Nhà trường - Khoa - Bộ môn); giải pháp từ phía người dạy và giải pháp từ phía người học nhằm nâng cao chất lượng hoạt động giảng dạy biên dịch tiếng Anh tại Trường Đại học Luật Hà Nội hiện nay. Kết quả cho thấy rằng số liệu Sig. trong kiểm định sự bằng nhau của phương sai Levene của 3 nhóm giải pháp khảo sát nêu trên đều lớn hơn 0.05 nên căn cứ vào số liệu giả dụ biến giống nhau (equal variances assumed) trong cột Sig.(2-tailed) kiểm định t về sự bằng nhau của trung bình thấy rằng các giá trị trong cột này đều

lớn hơn 0.05, từ đó suy ra rằng không có sự khác biệt về quan điểm giữa giảng viên và sinh viên liên quan đến những yếu tố được khảo sát.

4. Kết luận

Từ thực tế có thể kết luận rằng việc nâng cao chất lượng của hoạt động giảng dạy biên dịch không chỉ là mong muốn cấp thiết của nhà quản lí giáo dục - Nhà trường, người dạy và người học. Bởi chất lượng của hoạt động giảng dạy biên dịch được cải thiện, đồng nghĩa với việc người học được đào tạo tốt hơn, tiệm cận đến gần hơn với mong muốn của nhà tuyển dụng lao động. Do đó, việc tìm ra giải pháp là thực sự cần thiết. Tuy nhiên, giải pháp cần dựa trên điều kiện thực tế. Những giải pháp đề xuất trong nghiên cứu này đã xuất phát từ điều kiện giảng dạy biên dịch thực tế tại Trường Đại học Luật Hà Nội và đã được sự đánh giá của cả giảng viên và sinh viên đang tham gia giảng dạy và học tập các học phần biên dịch.

Kết quả nghiên cứu cho thấy các giải pháp đề xuất cho 3 nhóm đối tượng gồm nhà quản lí giáo dục (Nhà trường - Khoa và Bộ môn chuyên môn), Người dạy và Người học đều khá phù hợp và tương đồng với quan điểm cũng như những đề xuất của những người tham gia khảo sát. Cả người dạy và người học đều đồng thuận rằng để có thể cải thiện được hiệu quả của hoạt động giảng dạy biên dịch, ngoài việc chủ động của người dạy trong việc nâng cao trình độ thông qua các khoá học, cải thiện các kĩ năng thông qua việc áp dụng công nghệ, cũng như lựa chọn phương pháp giảng dạy phù hợp khoa học với từng đối tượng người học thông qua các hội thảo chia sẻ trao đổi ý kiến với các chuyên gia, những người làm công tác biện dịch cũng như có kinh nghiêm trong việc giảng dạy biên dịch. Người học cần xây dựng một thái độ, động cơ học tập đúng đắn, xác định được nghề nghiệp tương lai và xây dựng nền tảng cho nghề nghiệp tương lai. Tích cực tương tác với người dạy để tìm hiểu cũng như chia sẻ những khó khăn của môn học cũng như những đòi hỏi của nghề ngiệp tương lai, từ đó xây dựng lòng yêu nghề và rèn luyện các kĩ năng cần thiết cho nghề nghiệp tương lai. Để người dạy và người học làm được việc này, sự hỗ trợ của Nhà trường - Khoa và Bộ môn chuyên môn là cần thiết thông qua chính sách của Nhà trường, sự đầu tư về cơ sở vật chất, xây dựng kết hoạch giảng dạy của Nhà trường. Bên cạch đó, là sự quản lí của Khoa và Bộ môn chuyên môn trong việc sắp xếp nhân sự trong việc giảng dạy, cập nhật nội dung tài liệu giảng dạy, cũng như có kế hoạch hỗ trợ người dạy và người học tiếp xúc với các hoạt động biên dịch thực tế. Khi và chỉ khi có sự tham gia đồng bộ từ các bên, hiệu quả của hoạt động giảng dạy sẽ được cải thiện và người học sẽ lĩnh hội được nhiều kiến thức cũng như kĩ năng hữu ích cho hoạt động nghề nghiệp tương lai của mình.

*Bài viết là sản phẩm thuộc đề tài (ĐTCB.36/24-ĐHLHN): "*Nâng cao hiệu quả của hoạt động giảng dạy Biên dịch tiếng Anh cho sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh tại Trường Đại học Luật Hà Nội*" của Trường Đại học Luật Hà Nội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Dương Minh Quang (2018), *Những yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả giảng dạy của giảng viên trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh*.https://edufac.edu.vn/bao-cao-chuyen-de-nhung-yeu-anh-huong-den-hieu-qua-giang-day-cua-giang-vien-truong-dai-hoc-khoa-hoc.
2. Azhar, L. P., & Gopal, R. (2021), Effects of "English-Only Policy" on Students' Fluency and Motivation Level in Speaking English. *The English Teacher*, Vol.50, No.3, pp.157-172.
3. Dalton, S.S., & Moir, E. (1996), Text and context for professional development of new bilingual teachers. In M. McLaughlin (Ed.), *Teacher learning: New policies, new practices* (pp. 126-133). New York: Teachers College Press.
4. Darling-Hammond, L. (1997), Doing what matters most: Investing in quality teaching. New York: *The National Commission on Teaching & America's Future.* pp.1-75.

5. Goertz, M.E., Floden, R.E., & O'Day, J. (1996), Systemic reform: *Studies of education. reform. Washington*, DC: U.S. Department of Education. Vol.1, pp.1-178.
6. John Centra et Al. (1987), A guide to evaluating teaching for promotion tenure. *A publication of Syracuse University*.
7. National Commission on Teaching & America's Future (NCTAF). (1996), What matte matters most: *Teaching for America's future* (Summary Report). New York: Aut.
8. Noddings, N. (1997), Thinking about standards. Phi Delta Kappan, Vol.79, No3, pp.184-189.
9. Pawar. V. P, (2011), Role and Responsibility of a teacher. State Level Seminar on Status of Higher Education in the Present Scenario and the Role of the Teachers. Vol. ISBN:978-93-80638-75-1.
10. Shermin et al. (1987), The quest for excellence in university teaching. The journal of Higher Education, Vol.58, No1, 1987, pp. 66-84.
11. Streeting, W. & Wise, G., (2009), Rethinking the Values of Higher Education-Consumption, Partnership, Community? (*Gloucester, Quality Assurance Agency for Higher Education*).
12. Tanya. B, Jade. M, & Grace. P (2023), Effective Teaching: Definition, Principles & Methods. https://study.com/learn/lesson/what-is-effective-teaching.html.
13. Tiberius & Tipping (1990), Twelve principles of Effective Teaching and Learning. University of Toronto, 1990. https://testbook.com/ugc-net-paper-1/factors-affecting-teaching.
14. William James (1983), Talks to Teachers on Psychology and to Students on Some of Life's Ideal. Harvard University Press. Cambridge, Masachusetts and London, England, 1983.

Comparative analysis of teachers' and students' perceptions of proposed resolutions to enhance the effectiveness of English translation teaching at Hanoi Law University

Abstract: Solutions to enhance the quality of English translation teaching always draws attention of both foreign language schools adn foreign language instructors. Since highly effective translation teaching means that students are equipped with material skills for their future translation careers. This study analyzed and compared the views of lecturers and students at Hanoi Law University on proposed solutions to enhance English translation teaching. This study was conducted during the 1st semester of the academic year 2024-2025. The mixed approach, specifically the comparative analysis method, was carried out through a 5-point Likert scale questionnaire and semi-structured interviews conducted with lecturers who are involved in teaching translation and sophomore and junior students as well. The results show that both lecturers and students highly appreciate the submitted solutions to enhance the quality of English translation teaching at Hanoi Law University based on contemporary conditions.

Key words: perceptions; proposed resolution; English translation teaching; effectiveness; enhancing quality.